TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2022/QĐST – HNGĐ	*G, ngày 26 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: anh Đỗ Phú Th, sinh năm 1997.

Trú tại: xóm 7, xã G, huyện G, tỉnh N

Bị đơn: chị Đinh Hồng Th, sinh năm 1995.

Trú tại: xóm 7, xã G, huyện G, tỉnh N

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Đỗ Phú Th và chị Đinh Hồng Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Đỗ Phú Th và chị Đinh Hồng Th không có con chung.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Anh Đỗ Phú Th và chị Đinh Hồng Th không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí: anh Đỗ Phú Th nhận nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0004072, ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Trả lại cho anh Th số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N (01 bản);*
- *VKSND huyện G (02 bản);*
- *Chi cục THADS huyện G (01 bản);*
- *Các đương sự (02 bản);*
- *UBND xã G (01 bản);*
- *Lưu HS, VP (01 bản).*

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc